

Số: /2023/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II và khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình xây dựng thuộc chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, giai đoạn 2021-2025 (tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù tại Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ).

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù

1. Chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản:

Chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản áp dụng đối với tất cả các loại công trình được tính bằng 1% chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư xây dựng của dự án được duyệt (áp dụng với tất cả các công trình).

2. Phí thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản:

Phí thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản bằng 0,019% tổng mức đầu tư dự án được duyệt.

3. Chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng:

Chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng được xác định bằng 1,4% chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình được duyệt (áp dụng với tất cả các công trình).

Trường hợp các dự án đầu tư xây dựng tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (xã an toàn khu; các thôn bản đặc biệt khó khăn) theo quy định của Chính phủ thì xác định bằng tỷ lệ trên nhân với hệ số điều chỉnh 1,35.

4. Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình:

Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình: được xác định bằng 1,3% chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình được duyệt (áp dụng với tất cả các công trình).

Trường hợp các dự án đầu tư xây dựng tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (xã an toàn khu; các thôn bản đặc biệt khó khăn) theo quy định của Chính phủ thì xác định bằng tỷ lệ trên nhân với hệ số điều chỉnh 1,2.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2023. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2025; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học (Văn phòng UBND tỉnh);
- CV: NCTH;
- Lưu: VT, XD₁ (Tr-12b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn